TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2023.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2.Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: không tham gia.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thanh H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh T.
- Bị đơn: Huỳnh Thị N, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh T.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Thanh H trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị N sống chung với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T vào ngày 03/4/2001, thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Khi sống ly thân anh H về nhà cha ruột ở. Nay tình cảm không còn nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị N.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Hoàng G, sinh ngày 19/8/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Huỳnh Thị N vắng mặt, chị N mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N không đến và cũng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Anh Lê Thanh H có đơn xin vắng mặt xét xử, chị Huỳnh Thị N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, chị N.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh H và chị Huỳnh Thị N sống chung với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T vào ngày 03/4/2001. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, hiện nay anh H và chị N đã không còn sống chung với nhau nữa, chị N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, cho thấy chị N đã không có mong muốn hàn gắn lại tình cảm với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị N.

[4].Về con chung: Đối với cháu Lê Hoàng G, sinh ngày 19/8/2001, hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[5].Về tài sản chung và nợ chung: anh H khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6].Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh H.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Thanh H được ly hôn với chị Huỳnh Thị N.

-Về con chung: Đối với cháu Lê Hoàng G, sinh ngày 19/8/2001, hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

-Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

-Về án phí HNST: Anh Lê Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0026916 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được cấn trừ xem như anh H đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã V, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh